

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT  
VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho  
kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 40

00  
AF  
PA

03  
GT  
HÀ  
IÁT  
NG  
HA  
HA

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2024.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103018538 vào ngày 18 tháng 11 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 12 năm 2023. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **700.000.000.000** đồng (Bảy trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thạc Tuấn	Ủy viên
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên
Cao Văn Thọ	Ủy viên

#### Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát
Bà Vũ Ngọc Thúy	Ủy viên
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### 4. Các sự kiện phát sinh trong và sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### 7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRẦN HẢI YẾN  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024



Số: 030/2024/BCSX-HT.00149

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2024, từ trang 4 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**TRẦN ĐÌNH DŨNG**

**Phó Giám đốc**

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1788-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

**CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.491.494.171.711</b>	<b>1.257.807.735.730</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>6.107.307.357</b>	<b>17.033.894.951</b>
1. Tiền	111		6.107.307.357	17.033.894.951
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>69.450.000.000</b>	<b>47.150.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	69.450.000.000	47.150.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.090.851.295.974</b>	<b>893.487.768.596</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	512.363.871.834	532.176.185.596
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	72.458.449.795	101.695.490.531
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	7.200.000.000	10.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	502.899.084.108	253.086.202.232
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(4.070.109.763)	(4.070.109.763)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>288.737.045.194</b>	<b>288.220.450.644</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.8	288.737.045.194	288.220.450.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>36.348.523.186</b>	<b>11.915.621.539</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	3.215.341.419	1.857.428.571
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.882.953.081	9.537.913.065
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	250.228.686	520.279.903
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>606.952.729.257</b>	<b>485.592.088.630</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.428.913.877</b>	<b>2.752.044.340</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	13.428.913.877	2.752.044.340
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>180.729.789.249</b>	<b>179.738.992.499</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	168.856.991.504	167.678.234.896
- Nguyên giá	222		295.433.697.110	292.808.762.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.576.705.606)	(125.130.527.669)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	11.872.797.745	12.060.757.603
- Nguyên giá	228		15.036.788.688	15.036.788.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.163.990.943)	(2.976.031.085)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>3.003.862.826</b>	-
- Nguyên giá	231		3.003.862.826	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>180.857.841.372</b>	<b>7.459.272.870</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	180.857.841.372	7.459.272.870
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>208.471.712.433</b>	<b>273.641.712.433</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		209.000.000.000	209.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	65.170.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254		(2.828.287.567)	(2.828.287.567)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.300.000.000	2.300.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.460.609.500</b>	<b>22.000.066.488</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	20.460.609.500	22.000.066.488
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.098.446.900.968</b>	<b>1.743.399.824.360</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.305.579.651.078</b>	<b>951.912.026.660</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.039.622.112.881</b>	<b>937.987.975.719</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	134.463.708.898	99.166.783.716
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	144.121.255.218	117.552.912.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	8.176.979.997	3.804.545.984
4. Phải trả người lao động	314		1.204.858.576	1.103.492.342
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	1.290.069.155	2.023.934.853
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	54.275.190.559	5.582.033.805
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	691.655.548.490	704.211.401.580
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.434.501.988	4.542.870.988
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>265.957.538.197</b>	<b>13.924.050.941</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	265.957.538.197	13.924.050.941
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>792.867.249.890</b>	<b>791.487.797.700</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>792.867.249.890</b>	<b>791.487.797.700</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(200.000.000)	(200.000.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.530.000)	(1.530.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.885.826.969	5.885.826.969
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.182.952.921	85.803.500.731
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.803.500.731	74.723.420.860
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.379.452.190	11.080.079.871
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.098.446.900.968</b>	<b>1.743.399.824.360</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐINH THỊ LỰA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM XUÂN TRÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HẢI YẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	884.200.983.293	896.250.354.248
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	44.126.694	10.627.200
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		884.156.856.599	896.239.727.048
4 Giá vốn hàng bán	11	6.3	862.766.230.436	824.666.086.175
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.390.626.163	71.573.640.873
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	32.381.722.892	3.879.967.040
7 Chi phí tài chính	22	6.5	28.453.347.647	34.209.830.400
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.816.048.332	33.576.263.568
8 Chi phí bán hàng	24	6.8	10.039.803.361	19.613.070.608
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	7.371.146.575	11.283.025.136
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.908.051.472	10.347.681.769
11 Thu nhập khác	31	6.6	126.945.886	2.410.895
12 Chi phí khác	32	6.7	707.363.633	632.630.364
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(580.417.747)	(630.219.469)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.327.633.725	9.717.462.300
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	5.948.181.535	1.417.301.533
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.379.452.190	8.300.160.767
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	20	119
19 Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	71		20	119

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐINH THỊ LỤA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM XUÂN TRÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HẢI YẾN



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Địa chỉ: Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.327.633.725	9.717.462.300
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.529.203.250	11.190.438.840
- Các khoản dự phòng	03		-	376.714.421
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(303.865.972)	(290.071.081)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.945.795.577)	(2.026.014.386)
- Chi phí lãi vay	06		25.816.048.332	33.576.263.568
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.423.223.758	52.544.793.662
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(254.919.558.975)	35.136.821.771
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(516.594.550)	(34.778.530.708)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		110.720.819.457	(4.793.129.916)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		181.544.140	2.597.311.328
- (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.786.690.072)	(33.458.544.886)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.400.000.000)	(1.995.653.324)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(108.369.000)	(2.400.243.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(169.405.625.242)</b>	<b>12.852.824.727</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(179.922.431.328)	(376.640.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.000.000.000)	(3.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.100.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		114.540.048.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.183.786.810	935.143.606
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(80.998.596.518)</b>	<b>(2.941.496.394)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.059.615.343.729	890.397.199.677
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(820.137.709.563)	(902.646.498.514)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>239.477.634.166</b>	<b>(12.249.298.837)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(10.926.587.594)</b>	<b>(2.337.970.504)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>17.033.894.951</b>	<b>4.042.335.759</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	219.621
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>6.107.307.357</b>	<b>1.704.584.876</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐINH THỊ LỤA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM XUÂN TRÍ

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HẢI YẾN

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu số 0103018538 vào ngày 18 tháng 11 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11 tháng 12 năm 2023. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 đồng (Bảy trăm tỷ đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PLP.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sợi nhân tạo; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất thiết bị truyền thông; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất máy thông dụng khác; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thô; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá; Tái chế phế liệu;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

#### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2024, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng lại nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao tại Hải Phòng.

#### 1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

- Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

##### - Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Nghệ An	Nghệ An	Khai thác và sản xuất đá
Nhà Máy Hải Phòng	Hải Phòng	Sản xuất hạt nhựa
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thương mại

- Các công ty liên kết tại ngày 30/06/2024, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Số 84 đường Hậu Cần, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	49,50%	49,50%
Công ty CP Khoáng sản Minh Cẩm	Mỏ đá Lèn Minh Cẩm, xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	Khai thác và sản xuất đá	45%	45%

#### 1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 133 người (Tại ngày 31/12/2023 là 243 người).

#### 1.8 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

## 2. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024.

## 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

#### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

#### 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 22
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

#### 4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (40 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### 4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.13 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### 4.14 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 4.15 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 4.16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### 4.17 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.19 Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 4.20 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 4.21 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

#### 4.22 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty đang được hưởng các ưu đãi thuế như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 6007621343 ngày 11/8/2010 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 21/07/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đã ôp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp" được hưởng ưu đãi theo quy định của Pháp luật. Đây là dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đồng thời Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng năm 2024

- Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đã ôp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp" là 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp. (Năm 2024 là năm thứ 6 được hưởng ưu đãi thuế);
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

#### 4.24 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.056.166.613	2.509.479.399
Tiền gửi ngân hàng	5.051.140.744	14.524.415.552
<b>Tổng</b>	<b>6.107.307.357</b>	<b>17.033.894.951</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- <b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>69.450.000.000</b>	<b>69.450.000.000</b>	<b>47.150.000.000</b>	<b>47.150.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	15.500.000.000	15.500.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch	26.000.000.000	26.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.400.000.000	21.400.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>69.450.000.000</b>	<b>69.450.000.000</b>	<b>47.150.000.000</b>	<b>47.150.000.000</b>
<b>Dài hạn</b>				
- <b>Trái phiếu</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam (1)	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>

- (1) Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm và 8 năm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có giá trị 2.300.000.000 VND với lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ từ 1%/năm đến 1,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ  
Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Cát Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>209.000.000.000</b>	<b>(2.828.287.567)</b>		<b>209.000.000.000</b>
Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An	173.000.000.000	(1.048.999.363)	(*)	173.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản Minh Cầm	36.000.000.000	(1.779.288.204)	(*)	36.000.000.000
				(1.779.288.204)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>65.170.000.000</b>
Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê	-	-		65.170.000.000
				(*)
<b>Tổng</b>	<b>209.000.000.000</b>	<b>(2.828.287.567)</b>		<b>274.170.000.000</b>
				<b>(2.828.287.567)</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	<u>30/06/2024</u> VND	<u>01/01/2024</u> VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê	-	8.983.848.360
Công ty CP SPC Hà Nội	97.751.851.926	60.297.581.926
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Sông Hồng	135.341.080.690	221.417.032.590
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Vũ Hoàng	188.828.606.600	120.653.926.600
Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội	-	38.485.528.022
Công ty CP Maruni Quốc tế	14.128.498.755	-
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh Neo Global	27.147.425.293	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	49.166.408.570	82.338.268.098
<b>Tổng</b>	<b>512.363.871.834</b>	<b>532.176.185.596</b>

**b) Phải thu khách hàng là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.4 Trả trước cho người bán**

	<u>30/06/2024</u> VND	<u>01/01/2024</u> VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Harvest Europe Limited	-	125.437.320
An Thanh Bisco Singapore Pte.Ltd	-	792.082.975
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Á Châu	29.442.137.873	17.863.237.410
Công ty TNHH MD Trading Việt Nam	30.831.544.000	73.899.324.000
Các tổ chức, cá nhân khác	12.184.767.922	9.015.408.826
<b>Tổng</b>	<b>72.458.449.795</b>	<b>101.695.490.531</b>

**b) Trả trước cho người bán là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.5 Phải thu về cho vay**

	<u>30/06/2024</u> VND	<u>01/01/2024</u> VND
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty CP Neo Floor	-	3.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>7.200.000.000</b>	<b>10.600.000.000</b>

**b) Phải thu về cho vay là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.6 Các khoản phải thu khác**

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	63.377.942.130	-	1.149.949.373	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	1.129.991.233	-
Phải thu khác	439.521.141.978	-	250.806.261.626	-
- Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê (1)	25.018.000.000	-	42.858.000.000	-
- Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An (2)	51.343.000.000	-	7.245.000.000	-
- Nguyễn Thùy Dương (3)	94.962.000.000	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Cao Văn Thọ (4)	58.783.752.000	-	173.323.800.000	-
- Công ty CP Pha Lê Holdings (5)	2.160.000.000	-	2.160.000.000	-
- Huỳnh Cảnh Phúc (6)	23.985.000.000	-	23.985.000.000	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (7)	181.937.560.282	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.331.829.696	-	1.234.461.626	-
<b>Tổng</b>	<b>502.899.084.108</b>	<b>-</b>	<b>253.086.202.232</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	13.428.913.877	-	2.752.044.340	-
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (8)	10.560.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.868.913.877	-	2.752.044.340	-
<b>Tổng</b>	<b>13.428.913.877</b>	<b>-</b>	<b>2.752.044.340</b>	<b>-</b>

- (1) Phải thu Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê theo các hợp đồng cho mượn tiền không lãi suất, thời hạn cho mượn tiền cho đến khi Công ty thông báo trả lại tiền, mục đích mượn tiền để bổ sung vốn lưu động.
- (2) Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An theo các hợp đồng cho mượn tiền không lãi suất, thời hạn cho mượn tiền cho đến khi Công ty thông báo trả lại tiền, mục đích mượn tiền để bổ sung vốn lưu động.
- (3) Phải thu bà Nguyễn Thùy Dương tiền chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCNCP/RCC ngày 08/01/2024.
- (4) Phải thu ông Cao Văn Thọ tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2604/2023/TP/HĐCNCP/RCC ngày 26/04/2023.
- (5) Phải thu Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings theo Hợp đồng cho mượn tiền ngày 15/04/2023 không lãi suất, thời hạn cho mượn tiền từ ngày 15/04/2023 cho đến khi Công ty thông báo trả lại tiền, mục đích mượn tiền để bổ sung vốn lưu động.
- (6) Phải thu ông Huỳnh Cảnh Phúc tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Khoáng sản Minh Cầm theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 28122023/HĐCN-MC ngày 28/12/2023.
- (7) Phải thu Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 111.24.15/UTNK ngày 23 tháng 02 năm 2024.
- (8) Khoản ký quỹ 5% giá trị tài sản thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 111.24.15/CTTC ngày 23 tháng 02 năm 2024 ký với Công ty TNHH MTC Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**c) Phải thu khác là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.7 Nợ xấu**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Bao bì Duy Anh	188.760.000	-	188.760.000	-
Công ty TNHH Thịnh Phát	444.125.900	-	444.125.900	-
Công ty CP Khoáng sản, Bao bì và Nhựa	454.082.750	-	454.082.750	-
Công ty TNHH Sản xuất - Xuất khẩu - Thương mại Vạn Trường Sinh	157.010.000	-	157.010.000	-
PT.GUNAWANFAJAR	385.760.000	-	385.760.000	-
Công ty TNHH Latca-PM	444.325.000	-	444.325.000	-
Công ty CP Thương mại Châu Thanh	445.376.800	-	445.376.800	-
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	482.216.048	241.108.024	482.216.048	241.108.024
Apollo Flooring Distributor	756.740.570	378.370.285	756.740.570	378.370.285
Rc Flooring Distributor Inc	447.330.913	223.665.457	447.330.913	223.665.457
Các đối tượng khác	1.220.695.320	513.169.773	1.220.695.320	513.169.773
<b>Cộng</b>	<b>5.426.423.301</b>	<b>1.356.313.538</b>	<b>5.426.423.301</b>	<b>1.356.313.538</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.171.677.550	-
Nguyên liệu, vật liệu	216.934.735.785	-	245.764.677.124	-
Công cụ, dụng cụ	921.552.687	-	781.672.847	-
Thành phẩm	55.479.144.890	-	32.341.347.555	-
Hàng hóa	15.401.611.832	-	8.161.075.568	-
<b>Tổng</b>	<b>288.737.045.194</b>	<b>-</b>	<b>288.220.450.644</b>	<b>-</b>

**5.9 Tài sản dở dang dài hạn**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Mua sắm TSCĐ	6.984.876.187	6.740.473.524
Dự án nhà máy sản xuất vật liệu ốp lát công nghệ cao	173.300.834.856	-
Chi phí xây dựng cơ bản khác	572.130.329	718.799.346
<b>Tổng</b>	<b>180.857.841.372</b>	<b>7.459.272.870</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**  
 Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày đầu kỳ	102.359.816.138	163.766.389.799	25.470.676.950	1.211.879.678	<b>292.808.762.565</b>
Mua trong năm	3.200.000.000	320.000.000	-	-	3.520.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(895.065.455)	-	(895.065.455)
Vào ngày cuối kỳ	105.559.816.138	164.086.389.799	24.575.611.495	1.211.879.678	<b>295.433.697.110</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày đầu kỳ	37.131.593.045	76.383.912.495	10.817.068.806	797.953.323	<b>125.130.527.669</b>
Khấu hao trong kỳ	693.622.998	342.959.970	1.188.573.726	116.086.698	2.341.243.392
Thanh lý	-	-	(895.065.455)	-	(895.065.455)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Vào ngày cuối kỳ	37.825.216.043	76.726.872.465	12.005.642.532	18.974.566	<b>126.576.705.606</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày đầu kỳ	65.228.223.093	87.382.477.304	14.653.608.144	413.926.355	<b>167.678.234.896</b>
Vào ngày cuối kỳ	67.734.600.095	87.359.517.334	12.569.968.963	1.192.905.112	<b>168.856.991.504</b>

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 97.309.052.163 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.580.570.858 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày đầu kỳ	15.036.788.688
Mua trong kỳ	-
Vào ngày cuối kỳ	<b>15.036.788.688</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày đầu kỳ	2.976.031.085
Khấu hao trong kỳ	187.959.858
Vào ngày cuối kỳ	<b>3.163.990.943</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày đầu kỳ	12.060.757.603
Vào ngày cuối kỳ	<b>11.872.797.745</b>

**5.12 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư**

	01/01/2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2024 VND
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	3.003.862.826	-	3.003.862.826
<b>Tồn thất do suy giảm giá trị</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	3.003.862.826	-	3.003.862.826

**5.13 Chi phí trả trước**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	381.284.928	486.790.727
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	243.625.230	262.539.829
Chi phí bảo hiểm	231.401.563	453.633.948
Chi phí trả trước khác	2.359.029.698	654.464.067
<b>Tổng</b>	<b>3.215.341.419</b>	<b>1.857.428.571</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí liên quan đến cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản	2.956.324.599	2.871.445.423
Chi phí thuế GTGT đầu vào không được hoàn của TSCĐ dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" theo biên bản thanh tra thuế.	465.716.030	598.777.772
Công cụ, dụng cụ	452.083.162	439.051.404
Chi phí san lấp mặt bằng	16.000.351.495	17.454.928.909
Chi phí trả trước khác	586.134.214	635.862.980
<b>Tổng</b>	<b>20.460.609.500</b>	<b>22.000.066.488</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đình Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.14 Vay và nợ thuế tài chính**

	01/01/2024		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2024	Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ				
<b>a) Vay và nợ ngắn hạn (I)</b>	<b>704.211.401.580</b>	<b>704.211.401.580</b>	<b>807.581.856.473</b>	<b>820.137.709.563</b>	<b>691.655.548.490</b>	<b>691.655.548.490</b>
<b><u>Vay ngắn hạn</u></b>	<b><u>703.988.817.420</u></b>	<b><u>703.988.817.420</u></b>	<b><u>804.973.948.036</u></b>	<b><u>820.026.417.483</u></b>	<b><u>688.936.347.973</u></b>	<b><u>688.936.347.973</u></b>
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	108.057.805.299	108.057.805.299	110.039.004.186	108.603.896.810	109.492.912.675	109.492.912.675
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	428.994.774.486	428.994.774.486	513.711.564.507	513.715.335.910	428.991.003.083	428.991.003.083
Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	23.801.097.421	23.801.097.421	32.238.942.406	31.550.136.841	24.489.902.986	24.489.902.986
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	49.977.467.076	49.977.467.076	55.129.383.856	55.109.383.673	49.997.467.259	49.997.467.259
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	11.915.130.000	11.915.130.000	11.900.366.081	11.915.130.000	11.900.366.081	11.900.366.081
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	19.928.785.791	19.928.785.791	6.561.796.507	19.986.765.298	6.503.817.000	6.503.817.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	13.805.726.800	13.805.726.800	-	13.805.726.800	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch	47.508.030.547	47.508.030.547	75.392.890.493	65.340.042.151	57.560.878.889	57.560.878.889
<b><u>Nợ dài hạn đến hạn trả</u></b>	<b><u>222.584.160</u></b>	<b><u>222.584.160</u></b>	<b><u>2.607.908.437</u></b>	<b><u>111.292.080</u></b>	<b><u>2.719.200.517</u></b>	<b><u>2.719.200.517</u></b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	222.584.160	222.584.160	2.607.908.437	111.292.080	2.719.200.517	2.719.200.517

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đình Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

	01/01/2024		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Vay và nợ dài hạn (II)</b>	<b>13.924.050.941</b>	<b>13.924.050.941</b>	<b>2.607.908.437</b>	<b>265.957.538.197</b>
<b><u>Vay dài hạn</u></b>	<b><u>13.924.050.941</u></b>	<b><u>13.924.050.941</u></b>	<b><u>2.607.908.437</u></b>	<b><u>111.180.796.753</u></b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (ix)	3.079.080.941	3.079.080.941	2.607.908.437	100.335.826.753
Công ty CP Khoáng sản Minh Cầm (x)	10.844.970.000	10.844.970.000	-	10.844.970.000
<b><u>Nợ thuê tài chính dài hạn</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>154.776.741.444</u></b>
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xi)	-	-	154.776.741.444	154.776.741.444
<b>Tổng (I+II)</b>	<b>718.135.452.521</b>	<b>718.135.452.521</b>	<b>822.745.618.000</b>	<b>957.613.086.687</b>

**Trong đó:**

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1483-LAV-202300411 ký vào ngày 19/07/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức. Giá trị hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 19/07/2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, mở LC. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức với số tiền 550.000.000 đồng, và tài sản theo các hợp đồng cầm cố.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023/2878672/HHTD ký vào ngày 11/10/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa. Giá trị hạn mức tín dụng là 430 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 30/09/2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo gồm toàn bộ tài sản theo các hợp đồng cầm cố.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HN/2019/01/BCB/HHTD ký vào ngày 10/01/2019 và các Hợp đồng bổ sung hợp đồng tín dụng lần hai ngày 28/04/2021, lần ba ngày 01/12/2021 và lần thứ tư ngày 19/05/2022 của Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Giá trị hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng có giá trị đến ngày 19/05/2025. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

- (iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023-HĐCVHM/NHCT166-PLP ký vào ngày 22/05/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng. Giá trị hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.
- (v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 344/2023/HDTD/THU ký vào ngày 14/08/2023 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng. Giá trị hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/23/CV/NHUAPHALE ký vào ngày 13/01/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long. Giá trị hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay từ ngày 13/01/2023 đến ngày 12/01/2024.
- (vii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 81968.22.065.2826044 ký vào ngày 24/08/2022 của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng. Giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Hạn mức tín dụng có giá trị đến ngày 12/08/2023. Mục đích vay phục vụ hoạt động khai thác sản xuất kinh doanh bột đá, sản xuất chất độn hạt nhựa và thương mại hạt nhựa nguyên sinh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BC 392519, số vào sổ cấp GCN CH00225 do Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp cho Ông Lê Thạch Tuấn; xe ô tô KIA Carnival biển kiểm soát 30H-583.00; xe ô tô tải hiệu Ford Ranger biển kiểm soát 37C-418.02; xe ô tô Mercedes Benz S450L biển kiểm soát 30F-799.89; xe ô tô Lexus LX570 biển kiểm soát 30E-617.58 của Ông Mai Thanh Phương.
- (viii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2759835.23 ký ngày 23/06/2023 của Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch, giá trị hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch với số tiền 21.000.000.000 đồng; căn hộ chung cư số 12A15 tháp A tòa Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội thuộc sở hữu của Bà Trần Hải Yến; Gian hàng thương mại 81,1 m2 tòa S01.09 dự án KĐT Vinhomes Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội thuộc sở hữu của ông Cao Văn Thọ.
- (ix) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số CLC-4970-01 ký vào ngày 26/10/2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long với giá là 3.338.762.461 đồng; Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay để mua căn hộ P7-41.OT09 tại tầng 41 thuộc Nhà chung cư Park 7, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản đảm bảo là căn hộ chung cư mua từ vốn vay.
- (x) Khoản vay Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm theo hợp đồng mượn tiền số 0904/HĐMT/MC-PL ngày 09/04/2021, không có lãi suất và thời hạn mượn tiền là 2 năm kể từ ngày mượn.
- (xi) Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 111.24.15/CTTC ngày 23/02/2024 với số tiền thuê tương đương với 6.017.520 USD tùy theo tỷ giá do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân +3,1%/năm được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Số tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị tài sản cho thuê chính thức.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty CP STAVIAN Hóa chất	35.666.575.120	35.666.575.120	33.848.450.120	33.848.450.120
Công ty CP 2R Việt Nam	12.267.617.787	12.267.617.787	9.161.085.287	9.161.085.287
Công ty CP Neo Floor	23.305.205.638	23.305.205.638	-	-
Công ty CP AHAS Việt Nam	6.360.770.088	6.360.770.088	6.360.770.088	6.360.770.088
Công ty CP Công nghiệp Đại Á	7.838.660.226	7.838.660.226	14.877.961.189	14.877.961.189
Công ty CP Xây dựng và Cơ khí Đông A	17.707.470.220	17.707.470.220	-	-
Các đối tượng khác	31.317.409.819	31.317.409.819	34.918.517.032	34.918.517.032
<b>Tổng</b>	<b>134.463.708.898</b>	<b>134.463.708.898</b>	<b>99.166.783.716</b>	<b>99.166.783.716</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.16 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước</b>		
Oceanwide International (Sin) Co., Ltd	26.003.690.478	-
Công ty CP Neo Floor	47.711.148.608	45.167.288.405
Singate International Pte., Ltd	63.545.247.062	66.502.640.715
Các đối tượng khác	6.861.169.070	5.882.983.331
<b>Tổng</b>	<b>144.121.255.218</b>	<b>117.552.912.451</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	442.543.377	-	442.543.377	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	107.771.836	107.771.836	-
Thuế TNDN	2.881.015.899	5.948.181.535	2.400.000.000	6.429.197.434
Thuế TNCN	58.998.091	225.505.501	214.533.074	69.970.518
Thuế tài nguyên	140.064.000	1.196.472.000	324.936.000	1.011.600.000
Thuế, phí khác	281.924.617	676.052.045	291.764.617	666.212.045
<b>Tổng</b>	<b>3.804.545.984</b>	<b>8.153.982.917</b>	<b>3.781.548.904</b>	<b>8.176.979.997</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	27.837.954	2.945.692.418	2.934.311.816	16.457.352
Thuế tài nguyên	118.568.343	-	-	118.568.343
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	157.933.045	66.161.420	16.813.681	108.585.306
Thuế, phí khác	215.940.561	302.334.781	93.011.905	6.617.685
<b>Tổng</b>	<b>520.279.903</b>	<b>3.314.188.619</b>	<b>3.044.137.402</b>	<b>250.228.686</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.18 Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2024</b> VND	<b>01/01/2024</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	937.702.755	908.344.495
Chi phí phải trả khác	352.366.400	1.115.590.358
<b>Tổng</b>	<b>1.290.069.155</b>	<b>2.023.934.853</b>

**5.19 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/06/2024</b> VND	<b>01/01/2024</b> VND
<b>a) Các khoản phải trả ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	1.510.603.561	1.450.553.211
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	227.945.737	154.172.036
Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.536.641.261	3.977.308.558
- Vũ Đức Tiến (*)	1.900.000.000	1.900.000.000
- Công ty CP Neo Floor	48.576.800.000	-
- Chi cục thuế huyện Quỳnh Hợp	432.784.383	432.784.383
- Các đối tượng khác	1.627.056.878	1.644.524.175
<b>Tổng</b>	<b>54.275.190.559</b>	<b>5.582.033.805</b>

(\*) Phải trả ông Vũ Đức Tiến tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021-HĐCNCP ngày 02/01/2021.

b) Các khoản phải trả, phải nộp khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**  
 Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	74.723.420.860	774.521.890.860
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	11.079.179.871	11.079.179.871
Tăng khác	-	-	-	900.000	900.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	85.803.500.731	785.601.970.731
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.379.452.190	1.379.452.190
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	87.182.952.921	786.981.422.921

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2024 như sau:

Cổ đông	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Ông Mai Thanh Phương	147.600.000.000	21,09%	147.600.000.000	21,09%
Các cổ đông khác	552.400.000.000	78,91%	552.400.000.000	78,91%
<b>Tổng</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	153	153
- Cổ phiếu phổ thông	153	153
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.999.847	69.999.847
- Cổ phiếu phổ thông	69.999.847	69.999.847
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0 đồng
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	01/01/2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	30/06/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.885.826.969	-	-	5.885.826.969
<b>Tổng</b>	<b>5.885.826.969</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.885.826.969</b>

**5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	12.832,92	6.067,72

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	36.290.581.728	551.800.199.778
Doanh thu bán hàng hóa	844.685.401.565	344.450.154.470
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.225.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>884.200.983.293</b>	<b>896.250.354.248</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giảm giá hàng bán	44.126.694	10.627.200
<b>Tổng</b>	<b>44.126.694</b>	<b>10.627.200</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn thành phẩm	46.978.696.394	481.810.606.624
Giá vốn hàng hóa	815.787.534.042	342.855.479.551
<b>Tổng</b>	<b>862.766.230.436</b>	<b>824.666.086.175</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi	2.053.795.577	1.532.214.386
Lãi bán các khoản đầu tư	29.792.000.000	493.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	231.958.197	1.563.881.573
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	303.865.972	290.071.081
Doanh thu hoạt động tài chính khác	103.146	-
<b>Tổng</b>	<b>32.381.722.892</b>	<b>3.879.967.040</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**6.5 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền vay	25.816.048.332	33.576.263.568
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.609.799.313	179.513.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	376.714.421
Chi phí tài chính khác	27.500.002	77.338.469
<b>Tổng</b>	<b>28.453.347.647</b>	<b>34.209.830.400</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	100.000.000	-
Thu nhập khác	26.945.886	2.410.895
<b>Tổng</b>	<b>126.945.886</b>	<b>2.410.895</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các khoản bị phạt, chậm nộp	153.338.575	61.645.324
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	570.960.314
Các khoản chi phí khác.	554.025.058	24.726
<b>Tổng</b>	<b>707.363.633</b>	<b>632.630.364</b>

**6.8 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>7.371.146.575</b>	<b>11.283.025.136</b>
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.735.583.080	1.550.232.274
Chi phí nhân viên	3.366.493.171	7.431.122.452
Các khoản chi phí QLDN khác.	2.269.070.324	2.301.670.410
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>10.039.803.361</b>	<b>19.613.070.608</b>
Chi phí nhân viên	1.358.930.110	2.112.601.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.699.793.233	16.667.628.489
Các khoản chi phí bán hàng khác.	981.080.018	832.840.859

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	18.948.755.239	441.462.021.163
Chi phí nhân công	11.132.717.700	21.784.257.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.529.203.250	11.190.438.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.220.707.028	32.797.466.031
Chi phí khác	8.582.785.710	4.694.947.408
<b>Tổng</b>	<b>53.414.168.927</b>	<b>511.929.131.304</b>

**6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")****Thuế suất áp dụng**Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm 2024 được trình bày tại **thuyết minh 4.22**.**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5.948.181.535	1.417.301.533
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.948.181.535</b>	<b>1.417.301.533</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**6.11 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>1.379.452.190</b>	<b>8.300.160.767</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.379.452.190</b>	<b>8.300.160.767</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	69.999.847	69.999.847
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>20</b>	<b>119</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>20</b>	<b>119</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.059.615.343.729	890.397.199.677

**7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	820.137.709.563	902.646.498.514

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thu nhập HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	332.400.000	305.420.000
Ông Lê Thạc Tuấn (*)	Ủy viên HĐQT	-	-
Ông Cao Văn Thọ (*)	Ủy viên HĐQT	-	-
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	243.100.000	276.560.000
Ông Nguyễn Thanh Bình (*)	Phó Tổng Giám đốc	-	239.608.333
Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
<b>Tổng</b>		<b>575.500.000</b>	<b>821.588.333</b>

(\*) Ông Lê Thạc Tuấn, Ông Cao Văn Thọ và Ông Nguyễn Thanh Bình không phát sinh thu nhập do được chi trả tại các đơn vị khác.

**8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Neo Floor (1)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam (2)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings (1)	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

(1) Công ty do Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

(2) Công ty do Ông Lê Thạc Tuấn - Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm</b>	Trả tiền vay	-	180.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An</b>	Cho mượn tiền	44.098.000.000	3.815.000.000
	Mua dịch vụ	231.636.933	-
<b>Công ty Cổ phần Neo Floor</b>	Bán hàng	76.242.065.975	94.089.746.332
	Trả tiền vay	3.400.000.000	-
	Mượn tiền	48.576.800.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam</b>	Bán hàng	202.855.218	106.260.000
<b>Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings</b>	Mượn tiền	-	2.160.000.000

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm</b>		
- Vay dài hạn	10.844.970.000	10.844.970.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An</b>		
- Phải thu ngắn hạn khác	51.343.000.000	7.245.000.000
- Phải trả người bán	231.636.933	-
<b>Công ty Cổ phần Neo Floor</b>		
- Phải thu thương mại	-	3.100.000.000
- Người mua trả tiền trước	47.711.148.608	45.167.288.405
- Phải trả người bán	23.305.205.638	-
- Trả trước cho người bán	-	3.244.965.180
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam</b>		
- Phải thu thương mại	219.083.635	3.014.450.287
<b>Công ty Cổ phần Pha Lê Holdings</b>		
- Phải thu khác	2.160.000.000	2.160.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

<b>Chi tiết doanh thu theo khu vực địa lý</b>	<b>Trong nước</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	783.078.713.281	101.078.143.318	884.156.856.599
Tài sản bộ phận	2.078.661.415.994	19.785.484.974	2.098.446.900.968
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	3.520.000.000	-	3.520.000.000
<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	742.382.973.879	153.856.753.169	896.239.727.048
Tài sản bộ phận	1.709.712.670.068	33.687.154.292	1.743.399.824.360
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ (theo vị trí của tài sản)	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**  
 Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đình Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**Bộ phân theo lĩnh vực kinh doanh**

Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2024

	Sản xuất	Thương mại	Hoạt động không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	36.246.455.034	844.685.401.565	3.225.000.000	884.156.856.599
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	46.978.696.394	815.787.534.042	-	862.766.230.436
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(10.732.241.360)</b>	<b>28.897.867.523</b>	<b>3.225.000.000</b>	<b>21.390.626.163</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			32.381.722.892	32.381.722.892
Chi phí hoạt động tài chính			28.453.347.647	28.453.347.647
Chi phí bán hàng			10.039.803.361	10.039.803.361
Chi phí quản lý doanh nghiệp			7.371.146.575	7.371.146.575
Thu nhập khác			126.945.886	126.945.886
Chi phí khác			707.363.633	707.363.633
Chi phí thuế TNDN hiện hành			5.948.181.535	5.948.181.535
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>1.379.452.190</b>

Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 30/06/2024:

Tài sản bộ phận	736.697.297.148	463.618.284.203	-	1.200.315.581.351
Tài sản không phân bổ			898.131.319.617	898.131.319.617
<b>Tổng tài sản</b>	<b>736.697.297.148</b>	<b>463.618.284.203</b>	<b>898.131.319.617</b>	<b>2.098.446.900.968</b>
Nợ phải trả bộ phận	278.584.964.116	-	-	278.584.964.116
Nợ phải trả không phân bổ			1.026.712.480.011	1.026.712.480.011
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>278.584.964.116</b>	<b>-</b>	<b>1.026.712.480.011</b>	<b>1.305.297.444.127</b>

H. O. A. N. H. A. I. P. H. O. N. G.  
 H. A. I. P. H. O. N. G.  
 H. A. I. P. H. O. N. G.  
 H. A. I. P. H. O. N. G.  
 H. A. I. P. H. O. N. G.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**  
 Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2023

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Hoạt động không phân bổ VND	Cộng VND
<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	551.789.572.578	344.450.154.470	-	896.239.727.048
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	481.810.606.624	342.855.479.551	-	824.666.086.175
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>69.978.965.954</b>	<b>1.594.674.919</b>	-	<b>71.573.640.873</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			3.879.967.040	3.879.967.040
Chi phí hoạt động tài chính			34.209.830.400	34.209.830.400
Chi phí bán hàng			19.613.070.608	19.613.070.608
Chi phí quản lý doanh nghiệp			11.283.025.136	11.283.025.136
Thu nhập khác			2.410.895	2.410.895
Chi phí khác			632.630.364	632.630.364
Chi phí thuế TNDN hiện hành			1.417.301.533	1.417.301.533
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>8.300.160.767</b>

Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 30/06/2023:

Tài sản bộ phận	1.018.358.733.699	68.634.352.623		1.086.993.086.322
Tài sản không phân bổ			698.755.995.848	698.755.995.848
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.018.358.733.699</b>	<b>68.634.352.623</b>	<b>698.755.995.848</b>	<b>1.785.749.082.170</b>
Nợ phải trả bộ phận	202.316.821.691			202.316.821.691
Nợ phải trả không phân bổ			804.123.900.641	804.123.900.641
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>202.316.821.691</b>		<b>804.123.900.641</b>	<b>1.006.440.722.332</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

Lô đất CN4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

**9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**10. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty đã được soát xét.

**ĐINH THỊ LỰA**  
Người lập biểu

**PHẠM XUÂN TRÍ**  
Kế toán trưởng



**TRẦN HẢI YẾN**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

